

Bản án số: 01/2025/HSST

Ngày: 02/01/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Châu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2024/TLST-HS, ngày 25 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú tại ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M và bà Chiu Thị N; vợ: Không; con: 02 người (sinh năm 2019 và 2023); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 31/7/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, đã chấp hành xong ngày 14/10/2022. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2024 cho đến nay. (có mặt)

* **Bị hại:** Nguyễn Thị Hoa L, sinh năm 1991; địa chỉ ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Dương Ngọc T1, sinh năm 1988; địa chỉ ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (xin vắng mặt)

+ Phạm Thị Hồng T2, sinh năm 1992; địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là đối tượng đã có 01 tiền án về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, đây là tội đặc biệt nghiêm trọng, bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù vào ngày 31/7/2020, chưa được xóa án tích thì T lại tiếp tục phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 4 năm 2024, bà Nguyễn Thị Hoa L điều khiển xe mô tô biển số 64E1-107.97 lưu thông trên đường P hướng cầu T đi cầu V. Khi đến đoạn dốc cầu V thì Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 64AC- 061.01 lưu thông cùng chiều phía sau bà L và nhìn thấy trong túi áo khoác bên trái của bà L có 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại nên điều khiển xe mô tô tăng ga vượt lên từ phía sau bên trái xe mô tô của bà L đang điều khiển rồi dùng tay phải giật lấy điện thoại di động của bà L rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Sau khi chiếm đoạt được điện thoại di động thì T điều khiển xe mô tô đến tiệm điện thoại Ngọc T1 tại địa chỉ số G, đường M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông Dương Ngọc T1 làm chủ và bán cho ông T1 với giá 600.000đ.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 15/HĐĐGTSTTHS, ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố V thì giá trị tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi redmi Note 11 màu xanh dương có giá trị là 2.957.500đ.

Tại cáo trạng số: 96/CT-VKSND-TPVL, ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm và khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”. Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu huỷ các vật chứng gồm 01 nón bảo hiểm, 01 nón kết, 01 áo sơ mi tay dài và 01 quần thun dài.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tiền khắc phục hậu quả và không có yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do bị cáo tự khai và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã nêu; thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong, người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo; gia đình bị cáo có ông nội là liệt sĩ, bị cáo không có ăn học nên nhận thức kém. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày

08/4/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 64AC-061.01 lưu thông trên đường P thuộc Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, hướng từ cầu T đi cầu V, khi đến dốc cầu V bị cáo có hành vi giật điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 11 của bà Nguyễn Thị Hoa L khi đang điều khiển xe mô tô biển số 64E1-107.97 chạy cùng chiều. Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 15/HĐĐGTSTTTHS, ngày 11/4/2024 đã kết luận giá trị còn lại của điện thoại trên bằng 2.957.500đ. Việc bị cáo điều khiển xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là dùng thủ đoạn nguy hiểm có thể ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Ngoài ra, xét thấy bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù vào ngày 31/7/2020, chưa được xóa án tích mà bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*”, tội danh và hình phạt của bị cáo được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã đề nghị truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại; hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thực hiện với quyết tâm cao, nhằm mong muốn có được tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hơn nữa, bị cáo có 01 tiền án cũng về tội “*Cướp giật tài sản*” bị phạt 03 năm tù chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không thấy ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Điều đó nói lên sự xem thường pháp luật của bị cáo, do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại xong, đồng thời bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo; gia đình bị cáo có ông N1 là liệt sĩ. Cho nên, có đủ cơ sở cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, nhưng

cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định cho bị cáo học tập, cải tạo để sửa chữa trở thành người có ích cho xã hội sau này.

[6] Biện pháp tư pháp: Xét thấy, các vật chứng thu giữ gồm 01 nón bảo hiểm, 01 nón kết, 01 áo sơ mi tay dài và 01 quần thun dài, đây là tài sản cá nhân của bị cáo, nhưng bị cáo không nhận lại nên tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Hoa L đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại 2.957.500đ và không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với bà Phạm Thị Hồng T2 tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo và không có yêu cầu bị cáo trả lại 2.957.500đ. Do đó, việc bà L và bà T2 đều vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[8] Đối với Dương Ngọc T1 là người mua điện thoại do bị cáo T bán nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và không có đủ chứng cứ chứng minh hành vi của T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (B) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt 02/5/2024.

2. **Biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 nón bảo hiểm, 01 nón kết, 01 áo sơ mi tay dài và 01 quần thun dài để tiêu hủy. (vật chứng được mô tả chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long).

3. **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại đã nhận tiền bồi thường xong và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

4. **Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/UBTV-QH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ; (04 bản)
- Trại giam Công an TPVL; (01 bản)
- Tòa án Tỉnh; (01 bản)
- Viện kiểm sát ND tỉnh VL; (01 bản)
- Công an thành phố Vĩnh Long; (01 bản)
- Viện kiểm sát ND TPVL; (01 bản)
- Chi cục Thi hành án DS TPVL; (01 bản)
- Cơ quan THA HS Công an TPVL; (01 bản)
- Sở Tư pháp Vĩnh Long; (01 bản)
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh VL; (01 bản)
- UBND xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; (01 bản để thông báo)
- Lưu: Hồ sơ vụ án. (01 bản)

Võ Tấn Thành